



hǎo kàn

好看

Adjective · good-looking

Example Sentences

zhè bù diàn yǐng mǎn hǎo kàn de
这部电影蛮好看的。

This movie is quite good.

tā shēn cái miáo tiáo chuān shén me dōu hǎo kàn
她身材苗条，穿什么都好看。

She has a slim figure and looks good in anything.

zhè bù diàn yǐng fēi cháng hǎo kàn
这部电影非常好看。

This movie is very good.

Trace each character, then write the word on your own.

好	好	好	好	好	好	好	好	好		
看	看	看	看	看	看	看	看	看	看	看
看										